

Điều 5. — Bãi bỏ những quy định trước đây về chế độ đãi ngộ đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, trái với nghị định này.

Điều 6. — Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể thi hành nghị định này.

Điều 7. — Bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

## CÁC BỘ

### LIÊN BỘ

ỦY BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN  
NHÀ NƯỚC — BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ** liên bộ số 72-TT/LB  
ngày 8-6-1983 hướng dẫn việc  
thưởng, phạt về trách nhiệm  
hoàn thành thiết kế, xây lắp  
đưa công trình vào sản xuất,  
sử dụng.

Căn cứ Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản ban hành kèm theo nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ; thực hiện chỉ thị số 32-CT ngày 29-7-1981 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Ủy ban

Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Tài chính hướng dẫn việc thưởng, phạt về trách nhiệm hoàn thành công tác thiết kế, xây lắp đưa công trình vào sản xuất, sử dụng như sau:

## I. NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Thưởng, phạt theo thông tư này nhằm khuyến khích việc tăng cường kỷ luật hợp đồng, đề cao trách nhiệm vật chất giữa các tổ chức sản xuất xây dựng và chủ đầu tư trong công tác thiết kế, xây lắp thúc đẩy việc hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh đưa công trình vào sản xuất, sử dụng đúng thời hạn quy định của Nhà nước, bảo đảm chất lượng xây dựng, an toàn lao động và tiết kiệm vốn đầu tư.

Tiền thưởng chỉ thực hiện đầy đủ khi hoàn thành bàn giao đưa toàn bộ công trình vào sản xuất sử dụng. Đối với công trình có độ dài thời gian xây dựng trên một năm, có thể tạm trích thưởng hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt hoặc hoàn thành tiến độ hàng năm theo đúng thời hạn huy động của tổng tiến độ được duyệt. Khoản tiền tạm trích này phải tính toán, bù trừ khi hoàn thành bàn giao đưa toàn bộ công trình vào sản xuất, sử dụng.

Tiền phạt quy định trong thông tư này áp dụng đối với từng trường hợp không thực hiện đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng kinh tế gây trở ngại cho việc hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh đưa công trình vào sản xuất, sử dụng đúng thời hạn.

2. Thưởng, phạt theo thông tư này áp dụng riêng ở từng công trình, liên hiệp công trình đối với các tổ chức thiết kế, xây lắp, chủ đầu tư và các tổ chức cung ứng thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng, vận tải theo quan hệ trách nhiệm hợp đồng kinh tế trực tiếp xây dựng công trình; không áp dụng đối với công tác khảo sát, thiết kế quy hoạch, lập luận chứng kinh

tế — kỹ thuật, thiết kế định hình và đối với các cơ quan làm chức năng quản lý Nhà nước.

3. Các điều kiện và mức thưởng, phạt theo thông tư này phải xác định trước và ghi rõ vào hợp đồng kinh tế cho từng bên làm căn cứ pháp lý khi tiến hành xét thưởng, phạt và thanh toán.

4. Ngoài chế độ thưởng, phạt theo thông tư này, các chế độ thưởng, phạt hiện hành khác của Nhà nước trong xây dựng cơ bản vẫn áp dụng đối với các tổ chức tham gia xây dựng công trình nói trên.

## II. THƯỞNG, PHẠT VỀ TRÁCH NHIỆM HOÀN THÀNH CÔNG TÁC THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

### A. THƯỞNG CÁC TỔ CHỨC NHẬN THẦU THIẾT KẾ

1. Các tổ chức nhận thầu thiết kế được chủ đầu tư thưởng không quá 10% tiền thiết kế, nếu đạt được tất cả các yêu cầu quy định ở điều 43 của Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản, cụ thể là giao đủ số lượng, đúng hạn, đồng bộ các hồ sơ thiết kế, dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng khảo sát, thiết kế thể hiện ở mức độ đáp ứng yêu cầu của luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt bằng những thông số kinh tế — kỹ thuật đạt được với mức vốn đầu tư hợp lý, tiết kiệm; kể cả trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung những thiếu sót nhỏ không làm kéo dài thời gian xây dựng và tăng dự toán công trình.

Phương thức xét thưởng như sau :

— Khi giao đủ hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật — thi công và tổng dự toán được duyệt thì thưởng 8% tiền thiết kế (đối với công trình thiết kế theo 1 bước); 6% (đối với công trình thiết kế theo 2 bước).

— Khi hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sản xuất sử dụng, chủ đầu tư sẽ xét thưởng tiếp phần tiền thưởng còn lại.

2. Các trường hợp và mức cắt giảm tiền thưởng :

a) Trường hợp tổ chức thiết kế yêu cầu và được tổ chức giao thầu thiết kế chấp thuận kéo dài thời gian giao hồ sơ thiết kế dự toán đã ký kết thì mức thưởng quy định ở điểm 1 sẽ giảm xuống như sau :

— Kéo dài lần thứ 1 : tiền thưởng còn 75% mức quy định.

— Kéo dài lần thứ 2 : tiền thưởng còn 50% mức quy định.

— Kéo dài từ 3 lần trở lên : không được thưởng.

b) Trường hợp do lỗi thiết kế (tính sai tiền lượng, áp dụng giá cả không đúng...) dẫn đến mức chênh lệch giữa tổng dự toán (đối với công trình thiết kế theo một bước) hoặc số tổng cộng các dự toán hạng mục công trình (đối với công trình thiết kế theo 2 bước) với vốn quyết toán công trình vượt quá 10% nhưng vẫn bảo đảm các yêu cầu khác ở điểm 1 thì tiền thưởng bị giảm xuống còn 80% mức quy định.

### B. PHẠT DO KHÔNG HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

Trong quá trình thực hiện trách nhiệm đối với công tác thiết kế công trình nếu xảy ra các trường hợp sau đây thì bên phạm lỗi phải nộp tiền phạt cho bên cùng ký kết hợp đồng kinh tế theo mức quy định :

1. Chậm giao hồ sơ ban đầu để lập thiết kế, dự toán, chậm giao đồ án thiết kế, dự toán để xét duyệt, mỗi ngày chậm nộp phạt 0,05% tiền thiết kế (đối với 30 ngày đầu) và 0,1% (đối với những ngày tiếp theo).

Chậm giao hồ sơ thiết kế, dự toán để thi công : mỗi ngày chậm nộp phạt 0,01% giá trị công tác xây lắp tương ứng với phần hồ sơ thiết kế, dự toán chậm giao.

2. Xử lý không kịp thời những thiếu sót trong đồ án thiết kế làm chậm tiến độ xây dựng công trình : mỗi ngày chậm nộp phạt 0,01% giá trị dự toán khối lượng xây lắp phải xử lý.

3. Trường hợp thiết kế có sai sót lớn, phải ngừng thi công để xử lý : mỗi ngày ngừng thi công nộp phạt 0,01% giá trị khối lượng xây lắp phải xử lý (theo dự toán cũ).

4. Tổng số tiền phạt đối với các tổ chức nhận thầu thiết kế không quá mức 10% tiền thiết kế.

### III. THƯƠNG, PHẠT VỀ TRÁCH NHIỆM HOÀN THÀNH CÔNG TÁC XÂY LẬP ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SẢN XUẤT, SỬ DỤNG

#### A. THƯƠNG HOÀN THÀNH BÀN GIAO TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH ĐÚNG THỜI HẠN

##### 1. Tiêu chuẩn xét thưởng.

Nếu công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sản xuất, sử dụng đạt được tất cả các yêu cầu sau đây thì được thưởng :

a) Công trình hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh theo đúng thiết kế (bao gồm các hạng mục công trình chính, phụ kể cả vườn hoa, cây xanh, vệ sinh mặt bằng và nhà ở của công nhân vận hành nếu có), đúng thời hạn quy định trong tổng tiến độ được duyệt phù hợp với mục tiêu huy động công trình vào sản xuất, sử dụng của kế hoạch Nhà nước.

b) Chất lượng công trình đạt được các yêu cầu của quy phạm nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hiện hành của Nhà nước. #

c) Vốn đầu tư thực tế của công trình không vượt quá mức tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể cả phần duyệt bổ sung cho khối lượng tăng thêm hợp lý, nếu có).

##### 2. Mức thưởng.

a) Công trình, liên hiệp công trình xây dựng hoàn thành bàn giao đạt được tất cả các yêu cầu ở điểm 1, mục A, phần III thì thưởng 2,20% giá trị tổng dự toán xây lắp được duyệt.

b) Nếu công trình được hội đồng nghiệm thu xác nhận chất lượng từ khá trở lên (kể cả công tác trang trí, hoàn thiện thu dọn mặt bằng và vệ sinh công nghiệp) thì thưởng thêm không quá 0,8% giá trị tổng dự toán xây lắp được duyệt của công trình (trong đó dành 0,3% để thưởng cho công tác hoàn thiện tốt).

Trường hợp thời hạn hoàn thành bàn giao công trình được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thì mức thưởng giảm đi bằng tỷ lệ phần trăm (%) của khoảng thời gian kéo dài so với thời gian xây dựng đã xác định lần đầu. Nếu thời gian kéo dài đó vượt quá 50% so với thời gian xây dựng đã xác định lần đầu thì không được thưởng.

#### B. TẠM TRÍCH THƯƠNG HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, HOÀN THÀNH TIỀN ĐỘ Ở CÁC KHẤU THEN CHỐT, HOÀN THÀNH TIỀN ĐỘ HÀNG NĂM

1. Đề khuyến khích việc hoàn thành hạng mục công trình và tiến độ xây dựng ở những công trình có độ dài thời gian xây dựng trên một năm, các tổ chức tham gia xây dựng công trình được tạm trích thưởng khi đạt đúng các yêu cầu sau đây :

— Hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt theo yêu cầu về thời hạn huy động của tổng tiến độ.

— Hoàn thành tiến độ xây dựng công trình hàng năm theo đúng thời hạn huy động của tổng tiến độ (đối với các công trình mà trong tổng tiến độ không có mốc

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

thời hạn hoàn thành bàn giao hạng mục công trình hoặc hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt).

2. Phương thức tạm trích thưởng như sau:

— Trường hợp áp dụng chế độ tổng nhận thầu xây dựng hoặc chế độ nhận thầu chính xây lắp, chủ đầu tư tạm trích tiền thưởng cho tổ chức nhận thầu chính để tổ chức nhận thầu chính thưởng cho các tổ chức nhận thầu phụ đã hoàn thành toàn bộ trách nhiệm xây dựng công trình đúng với các hợp đồng kinh tế đã ký kết và tạm trích thưởng cho các tổ chức tham gia xây dựng khác (kể cả tổ chức nhận thầu chính xây lắp) đã hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt hoặc hoàn thành tiến độ hàng năm theo đúng thời hạn huy động của tổng tiến độ.

— Trường hợp áp dụng chế độ giao thầu xây lắp trực tiếp, chủ đầu tư tạm trích tiền thưởng để thưởng cho các tổ chức nhận thầu trực tiếp đã hoàn thành đúng toàn bộ trách nhiệm xây dựng công trình theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết và tạm trích thưởng cho các tổ chức tham gia xây dựng khác đã hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt hoặc hoàn thành tiến độ hàng năm theo đúng thời hạn huy động của tổng tiến độ.

3. Mức tạm trích tiền thưởng tối đa là 2,2% giá trị dự toán khối lượng xây lắp hoàn thành được tạm trích thưởng.

4. Khoản tiền tạm trích thưởng này phải được hạch toán và xét bù trừ khi tính thưởng hoàn thành đưa toàn bộ công trình vào sản xuất, sử dụng.

Trường hợp toàn bộ công trình không được thưởng thì tổ chức nhận thầu chính phải trả lại cho chủ đầu tư số tiền đã tạm trích, các tổ chức nhận thầu phụ không hoàn thành đúng toàn bộ trách nhiệm theo hợp đồng kinh tế đã ký kết phải trả lại cho tổ chức nhận thầu chính số tiền tạm trích thưởng đã nhận (đối với trường hợp

áp dụng chế độ tổng nhận thầu xây dựng hoặc chế độ nhận thầu chính xây lắp); các tổ chức nhận thầu trực tiếp không hoàn thành đúng toàn bộ trách nhiệm theo hợp đồng kinh tế đã ký kết phải trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền tạm trích thưởng đã nhận (đối với trường hợp áp dụng chế độ giao thầu trực tiếp).

### C. PHÂN CHIA TIỀN THƯỞNG CHO CÁC TỔ CHỨC HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Tiền thưởng theo thông tư này phân chia cho các tổ chức đã hoàn thành trách nhiệm xây dựng như sau:

1. Trường hợp áp dụng chế độ tổng nhận thầu xây dựng hoặc chế độ nhận thầu chính xây lắp:

a) Các tổ chức nhận thầu xây lắp được hưởng 93% tổng số tiền thưởng. Trong đó:

— 2% thưởng cho nhiệm vụ nhận thầu chính.

— 7% do tổ chức nhận thầu chính xây lắp quản lý để thưởng cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh khác phục vụ xây lắp có quan hệ trách nhiệm hợp đồng với mình (bao gồm các tổ chức cung ứng thiết bị, vật tư, cấu kiện, vật liệu xây dựng và vận tải).

— 84% thưởng cho các tổ chức xây lắp (bao gồm cả tổ chức nhận thầu chính nếu tổ chức nhận thầu chính có tham gia trực tiếp xây lắp). Tiền thưởng cho mỗi tổ chức xây lắp được tính tỷ lệ thuận với quyền số phân chi tiền thưởng ( $s_i$ ); xác định cho từng tổ chức theo công thức:

$$s_i = \frac{G_i}{N_i} \times k_i$$

Trong đó:

—  $G_i$ : Giá trị dự toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao do tổ chức xây lắp đảm nhận thực hiện.

—  $N_i$  : Năng suất lao động tính bằng giá trị của một công nhân viên xây lắp trong tổ chức nhận thầu xây lắp  $i$  (lấy theo chỉ tiêu trung bình theo kế hoạch Bộ chủ quản giao).

—  $k_i$  : Hệ số điều chỉnh do chủ đầu tư và các tổ chức xây lắp xác định trong giới hạn từ 0,95 đến 1,5 theo cấp bậc công việc bình quân của toàn bộ khối lượng xây lắp thuộc tổ chức xây lắp  $i$  hoàn thành.

b) Chủ đầu tư và các bộ phận của ban quản lý công trình được thưởng 2% tổng số tiền thưởng.

c) Số còn lại (5% tổng số tiền thưởng) do chủ đầu tư quản lý để thưởng cho các tổ chức sản xuất kinh doanh khác có quan hệ trách nhiệm hợp đồng kinh tế với mình (bao gồm các tổ chức nhận thầu vận chuyển, bảo quản thiết bị, vật tư...).

2. Trường hợp áp dụng chế độ giao thầu xây lắp trực tiếp:

a) Các tổ chức xây lắp được thưởng 84% tổng số tiền thưởng. Cách phân chia như điểm a, mục 1 nói trên.

b) Chủ đầu tư và các bộ phận của ban quản lý công trình được thưởng 4% tổng số tiền thưởng.

c) Số còn lại (12% tổng số tiền thưởng) do chủ đầu tư quản lý để phân chia cho các tổ chức sản xuất kinh doanh khác trực tiếp phục vụ xây lắp công trình.

3. Trong quá trình phân chia tiền thưởng, chủ đầu tư và các tổ chức được thưởng có thể thỏa thuận điều chỉnh tăng, giảm không quá 15% của các mức chia thưởng trên nhưng không được làm tăng tổng số tiền thưởng được nhận.

4. Các tổ chức tham gia xây dựng công trình nếu không hoàn thành trách nhiệm xây dựng công trình theo các hợp đồng kinh tế thì không được nhận phần tiền

thưởng của mình. Phần tiền thưởng này do chủ đầu tư cùng với tổ chức xây lắp nhận thầu chính chia thêm cho các tổ chức được thưởng theo mức độ đóng góp của từng tổ chức này vào việc khắc phục hậu quả do các tổ chức không được thưởng gây nên.

5. Tiền thưởng phân chia cho công nhân viên tham gia xây dựng công trình ở từng tổ chức do thủ trưởng tổ chức đó căn cứ theo khối lượng, chất lượng, tính chất lao động và thời gian hoàn thành công việc của từng người để quyết định, sau khi đã trao đổi ý kiến với tổ chức công đoàn cùng cấp.

#### D. PHẠT DO KHÔNG HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC XÂY LẬP ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SẢN XUẤT, SỬ DỤNG

Trong quá trình thực hiện trách nhiệm đối với công tác xây lắp công trình, khi xảy ra các trường hợp sau đây thì bên phạm lỗi phải nộp tiền phạt cho bên cùng ký kết hợp đồng theo mức quy định:

— Chậm giao hồ sơ thiết kế, dự toán: mỗi ngày chậm nộp phạt 0,01% giá trị công tác xây lắp tương ứng với phần hồ sơ thiết kế, dự toán chậm giao.

— Chậm giao mặt bằng để thi công: mỗi ngày chậm nộp phạt 0,01% giá trị dự toán xây lắp của công tác tiếp theo.

— Chậm giao thiết bị để lắp đặt: mỗi ngày chậm nộp phạt 0,05% giá trị dự toán lắp đặt thiết bị đó (đối với 10 ngày đầu) và 0,5% (đối với những ngày tiếp theo).

— Chậm giao cấu kiện, chi tiết và vật liệu xây dựng: mỗi ngày chậm nộp phạt 0,05% giá trị khối lượng chậm giao (đối với 10 ngày đầu) và 0,2% (đối với những ngày tiếp theo).

— Kéo dài thời hạn bàn giao công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao: mỗi ngày kéo

dài nộp phạt 0,05% giá trị dự toán xây lắp công trình, hạng mục công trình, hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

— Kéo dài công tác nghiệm thu, nhận công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng công tác xây lắp hoàn thành: mỗi ngày kéo dài nộp phạt 0,05% giá trị dự toán xây lắp hoàn thành bàn giao.

— Tổng số tiền phạt đối với một tổ chức xây lắp do vi phạm các trường hợp trên chỉ thực hiện đến 1% giá trị dự toán của khối lượng xây lắp nhận thầu.

#### IV. NGUỒN TIỀN THƯỞNG, PHẠT

1. Các khoản tiền thưởng thiết kế, tiền thưởng hoàn thành đưa công trình vào sản xuất, sử dụng theo thông tư này lấy từ vốn đầu tư xây dựng công trình và được ghi thành một khoản riêng trong tổng dự toán.

2. Nguồn tiền để các tổ chức thiết kế, xây lắp và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác nộp phạt trích từ vốn tự có hoặc từ quỹ xí nghiệp của các tổ chức đó. Tiền phạt chủ đầu tư trích từ vốn tự có của tổ chức sản xuất kinh doanh bỏ vốn đầu tư. Nếu chủ đầu tư không có vốn tự có thì phải báo cáo xin cấp có thẩm quyền duyệt cho lấy từ vốn đầu tư để thanh toán.

#### V. THẺ THỰC THỰC HIỆN

##### 1. Xét thưởng và tạm trích thưởng.

a) Việc xét và quyết định thưởng hoặc tạm trích thưởng theo thông tư này cho các tổ chức nhận thầu chính hoặc cho các tổ chức nhận thầu trực tiếp do chủ đầu

tu chịu trách nhiệm; cho các tổ chức nhận thầu phụ do tổ chức nhận thầu chính chịu trách nhiệm.

Căn cứ để xét thưởng và tạm trích thưởng là:

— Các mốc thời gian giao hồ sơ thiết kế dự toán (đối với công tác thiết kế). Các mốc thời gian hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sản xuất, sử dụng, hoàn thành hạng mục công trình và tiến độ ở các khâu then chốt, hoàn thành tiến độ hàng năm theo thời hạn huy động của tổng tiến độ được duyệt (đối với công tác xây lắp).

— Các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc xét thưởng (kể cả hợp đồng bổ sung), trong đó có ghi rõ các điều kiện và mức thưởng.

— Biên bản tiếp nhận hồ sơ thiết kế, dự toán được duyệt (đối với công tác thiết kế). Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình và khối lượng công tác xây lắp ở các khâu then chốt hoặc bản xác nhận hoàn thành tiến độ hàng năm theo đúng thời hạn huy động của tổng tiến độ (đối với công tác xây lắp).

— Báo cáo thực hiện dự toán xây lắp của đối tượng xét thưởng.

b) Trong thời hạn quy định cho các trường hợp sau đây, tổ chức có trách nhiệm nói ở điểm a của phần này phải tiến hành xét và ban hành quyết định thưởng hoặc tạm trích thưởng kèm theo bản sao lục các hồ sơ làm căn cứ để xét thưởng nói trên.

Xét thưởng đối với các tổ chức nhận thầu thiết kế công trình, tiến hành lần đầu trong 5 ngày kể từ ngày giao xong hồ sơ thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế kỹ thuật thi công) kèm theo tổng dự toán được duyệt và lần thứ hai trong 10 ngày kể từ ngày bàn giao đưa toàn bộ công trình vào sản xuất, sử dụng.

Xét thưởng và tạm trích thưởng đối với các tổ chức xây lắp và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác trực tiếp tham gia xây dựng công trình.

— Khi hoàn thành đưa toàn bộ công trình vào sản xuất, sử dụng: tiến hành trong 15 ngày kể từ ngày bàn giao.

— Khi hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành tiến độ ở các khâu then chốt: tiến hành trong 5 ngày kể từ ngày hoàn thành bàn giao.

— Khi hoàn thành tiến độ hàng năm đúng theo thời hạn huy động của tổng tiến độ: tiến hành trong 10 ngày kể từ ngày kết thúc năm xây dựng.

## 2. Xét phạt.

a) Khi xảy ra trường hợp phạm lỗi nói ở mục B, phần II và mục D, phần III của thông tư này, bên được phạt thông báo cho bên bị phạt đến lập biên bản xét phạt trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày bắt đầu phạm lỗi. Biên bản xét phạt phải lập cho từng trường hợp phạm lỗi, trong đó có ghi mức độ phạm lỗi và số tiền phạt. Quá thời hạn trên mà bên bị phạt không đến lập biên bản thì bên được phạt tự lập biên bản và biên bản này vẫn có giá trị thực hiện. Nếu bên bị phạt không thống nhất thì khiếu nại trọng tài kinh tế xét xử.

b) Việc xét phạt phải căn cứ vào các điều khoản ghi trong hợp đồng kinh tế đã ký kết, các tài liệu chứng minh việc phạm lỗi và mức phạt đối với từng trường hợp quy định trong thông tư này.

## 3. Thanh toán tiền thưởng, phạt và tạm trích tiền thưởng.

Việc thanh toán mọi khoản tiền thưởng, phạt và tạm trích tiền thưởng theo thông

tư này đều thực hiện thông qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng nơi cấp vốn cho công trình căn cứ vào các hồ sơ xét thưởng, phạt và tạm trích tiền thưởng hợp lệ.

Riêng hồ sơ đề thanh toán tiền thưởng và tạm trích tiền thưởng phải kèm theo bảng phân chia tiền giữa các tổ chức được nhận.

Nếu tài khoản tiền gửi của tổ chức có trách nhiệm chi tiền thưởng, phạt thiếu hoặc không còn tiền thì Ngân hàng đầu tư và xây dựng cho vay bắt buộc đề tiến hành thanh toán.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Đối với những công trình đã khởi công trước nhưng hoàn thành sau ngày ký thì tiền thưởng chỉ tính cho phần khối lượng công tác xây lắp của khối lượng được xét thưởng thực hiện sau ngày 6-6-1981, tiền phạt chỉ tính trên khối lượng còn phải thực hiện từ ngày ký thông tư này.

Các khoản tiền thưởng đã ứng trước, đã cấp phát theo các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ thưởng hoàn thành bàn giao hạng mục công trình và thưởng hoàn thành tiến độ xây lắp hàng năm ở một số công trình do Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành trước ngày ký thông tư này đều được ghi nhận và thanh toán khi xét thưởng hoàn thành bàn giao đưa toàn bộ công trình vào sản xuất, sử dụng theo thông tư này.

Các văn bản hướng dẫn chế độ thưởng, phạt trong xây dựng cơ bản của các Bộ, ngành, địa phương trái với thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện thông tư này nếu gặp khó khăn hoặc phải giải quyết những trường hợp đặc biệt chưa quy định, các Bộ, ngành, địa phương phản ảnh

cho Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Tài chính đề cùng nghiên cứu giải quyết cho từng trường hợp cụ thể.

Hà Nội, ngày 8 tháng 6 năm 1983

K.T. Bộ trưởng  
Bộ Tài chính  
Thủ trưởng  
TRẦN TIÊU

K.T. Chủ nhiệm  
Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước  
Phó chủ nhiệm  
NGUYỄN VĂN TÂN

## GIAO THÔNG VẬN TẢI — TÀI CHÍNH

### THÔNG TƯ liên bộ số 2292-TT/ GTVT/TC ngày 8-8-1983 hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn hành khách.

Căn cứ quyết định số 314-CP ngày 1-10-1980 của Hội đồng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính đã phối hợp chỉ đạo thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn hành khách trong phạm vi cả nước. Bước đầu bảo hiểm tai nạn hành khách đã đạt một số kết quả. Nhiều vụ tai nạn lớn xảy ra, hành khách bị tai nạn đã được giải quyết quyền lợi về bảo hiểm một cách nhanh chóng và đúng mức. Qua đó quần chúng nhân dân dần dần đã thấy rõ được sự quan tâm chăm sóc của Đảng và Nhà nước đến tính mạng của con người.

Song có lúc, có nơi việc thực hiện chưa được thống nhất theo các nguyên tắc của chế độ bảo hiểm tai nạn hành khách. Để

việc thực hiện được thống nhất và đạt kết quả tốt hơn, liên Bộ Giao thông vận tải và Tài chính ra thông tư này hướng dẫn cụ thể một số điểm sau đây.

### I. NHẬN THỨC VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN BẢO HIỂM VÀ XI NGHIỆP VẬN TẢI

1. Theo tinh thần của quy tắc bảo hiểm tai nạn cho hành khách được ban hành theo quyết định số 284-TC ngày 22-12-1980 của Bộ Tài chính thì bảo hiểm tai nạn hành khách là một chế độ bảo hiểm được xây dựng trên cơ sở đóng góp của hành khách nhằm mục đích xây dựng quỹ bảo hiểm Nhà nước để bù đắp một phần thiệt hại cho hành khách, tạo thêm điều kiện để ổn định đời sống, đồng thời góp phần đẩy mạnh công tác phòng ngừa, hạn chế tai nạn, bảo vệ tính mạng cho hành khách. Do đó việc hưởng tiền bồi thường về bảo hiểm tai nạn hành khách là một quyền lợi mà hành khách đã góp bảo hiểm được hưởng khi bị tai nạn trong lúc đi tàu, đi xe ngoài các chế độ chính sách hiện hành khác như chế độ bồi thường theo trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện, bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội, v.v...

2. Khi hành khách bị tai nạn, việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm và của các đơn vị vận tải phải được giải quyết song song. Cần nhận rõ rằng việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm và việc bồi thường theo trách nhiệm dân sự của các đơn vị vận tải là hai vấn đề khác nhau và độc lập với nhau. Chế độ này không thể thay thế chế độ kia vì mỗi chế độ đều dựa trên một nguyên tắc hoàn toàn khác nhau. Việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm đối với hành khách đã tham gia bảo hiểm dựa